



Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 3562/QĐ-BGTVT Ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 055188 Ngày 11 tháng 2 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200580975 Ngày 11 tháng 2 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
Bà Trịnh Thị Ngọc Biền	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/1/2017)

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 15/6/2017)
Bà Đặng Thúy Định	Thành viên (đến ngày 15/6/2017)

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đến việc số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-203-TH



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		113.596.120.420	106.959.083.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.244.094.333	43.448.521.804
Tiền	111		13.244.094.333	17.348.521.804
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	26.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.954.900.000	8.725.400.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(b)	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(b)	(612.860.500)	(642.360.500)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	3.600.000.000	8.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.384.282.170	48.928.804.300
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	41.251.906.562	46.502.636.921
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.773.269.312	2.652.551.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	2.739.867.768	3.064.949.361
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.380.761.472)	(3.291.333.582)
Hàng tồn kho	140	10	3.251.917.831	4.269.407.421
Hàng tồn kho	141		3.251.917.831	4.269.407.421
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.760.926.086	1.586.949.652
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		447.803.414	321.354.832
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.832.605	49.459.278
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	1.191.290.067	1.216.135.542

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		134.598.010.211	136.383.888.419
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.903.430.411	33.863.030.708
Trả trước cho người bán dài hạn	212	11	31.036.813.597	31.472.266.332
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	1.866.616.814	2.390.764.376
Tài sản cố định	220		36.355.644.771	28.284.473.536
Tài sản cố định hữu hình	221	12	36.355.644.771	28.284.473.536
Nguyên giá	222		127.029.303.797	117.235.150.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.673.659.026)	(88.950.676.807)
Tài sản dở dang dài hạn	240		42.287.570.127	49.573.783.826
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	42.287.570.127	49.573.783.826
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	17.661.481.220	17.994.721.833
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		5.400.000.000	5.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.332.942.782)	(20.999.702.169)
Tài sản dài hạn khác	260		5.389.883.682	6.667.878.516
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.381.417.085	6.100.717.734
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	8.466.597	567.160.782
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		248.194.130.631	243.342.971.596

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		102.454.720.990	101.886.679.622
Nợ ngắn hạn	310		50.113.084.401	49.442.695.396
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	16.430.959.013	22.258.858.718
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		322.890.348	50.480.475
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	4.347.657.638	6.894.074.085
Phải trả người lao động	314		138.358.610	2.797.939.551
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	727.319.337	3.751.120.107
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.145.454	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	28.081.754.001	13.690.222.460
Nợ dài hạn	330		52.341.636.589	52.443.984.226
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	52.341.636.589	52.443.984.226
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		145.739.409.641	141.456.291.974
Vốn chủ sở hữu	410	20	145.739.409.641	141.456.291.974
Vốn cổ phần	411	21	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	16.830.983.651	16.830.983.651
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.908.445.990	14.625.328.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		14.555.237.267	15.864.421.015
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.353.208.723	(1.239.092.692)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		248.194.130.631	243.342.971.596

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bùi Thị Thu Hà
Người lập

Người duyệt:

Đặng Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	211.293.215.551	228.292.809.851
Giá vốn hàng bán	11	25	197.444.504.326	202.772.429.658
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		13.848.711.225	25.520.380.193
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.370.268.672	2.905.627.834
Chi phí tài chính	22	27	390.811.488	19.457.321.824
Chi phí bán hàng	25		603.605.457	198.200.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.259.945.556	11.120.108.381
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.964.617.396	(2.349.622.902)
Thu nhập khác	31	29	1.899.045.776	1.448.427.558
Chi phí khác	32		888.770.917	904.134.130
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.010.274.859	544.293.428
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.974.892.255	(1.805.329.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	62.989.347	924.000
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	558.694.185	(567.160.782)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.353.208.723	(1.239.092.692)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	484	(139)

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.974.892.255	(1.805.329.474)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.595.484.714	5.853.739.297
Các khoản dự phòng	03		393.168.503	19.674.580.214
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		37.519.099	(185.312.569)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.390.422.981)	(3.398.992.735)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.610.641.590	20.138.684.733
Biến động các khoản phải thu	09		3.147.358.824	(601.416.140)
Biến động hàng tồn kho	10		1.017.489.590	(2.674.939.293)
Biến động các khoản phải trả	11		3.337.814.003	3.812.219.479
Biến động chi phí trả trước	12		501.331.111	1.003.605.294
			14.614.635.118	21.678.154.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.905.920.141)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.652.363	203.423.322
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(28.982.482)	(1.979.107.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.023.304.999	15.996.549.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.765.402.536)	(8.524.725.412)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.602.909.091	923.418.182
Gửi tiền vào tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(8.400.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		4.800.000.000	10.457.558.333
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.104.067.700
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.435.500.743	2.461.668.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.073.007.298	(3.778.012.977)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

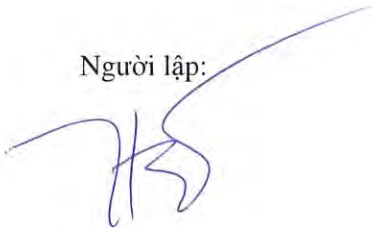
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(3.254.000.000)	(7.545.997.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.254.000.000)	(7.545.997.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		14.842.312.297	4.672.538.816
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	43.448.521.804	38.635.046.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(46.739.768)	140.936.312
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	58.244.094.333	43.448.521.804

Ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đậu Anh Dũng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các đơn vị trực thuộc.

(b) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc (1/1/2017: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Đường Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại tỉnh Quảng Ninh	Số 7, Ngõ 6, Phố Hải vân, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Lexington, Số 67 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, Số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	B8 Đường Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê công-te-nơ.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 169 nhân viên (1/1/2017: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính tổng hợp, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- đồ đạc và trang bị văn phòng 4 – 7 năm
- tài sản cố định khác 3 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa định kỳ phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 2 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp dịch kho bãi, lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác
- Kinh doanh xăng dầu

	Kinh doanh xăng dầu		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu của bộ phận	56.281.843.999	49.455.146.722	155.011.371.552	178.837.663.129	211.293.215.551	228.292.809.851
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.967.338.076	2.372.508.211	10.881.373.149	23.147.871.982	13.848.711.225	25.520.380.193
Chi phí không phân bổ					(9.884.093.829)	(27.870.003.095)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					3.964.617.396	(2.349.622.902)
Thu nhập khác					1.899.045.776	1.448.427.558
Chi phí khác					(888.770.917)	(904.134.130)
Thuê thu nhập doanh nghiệp					(621.683.532)	566.236.782
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế					4.353.208.723	(1.239.092.692)

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kinh doanh xăng dầu		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản của bộ phận	18.438.184.669	14.171.872.909	185.975.963.830	171.527.832.306	204.414.148.499	185.699.705.215
Tài sản không phân bổ					43.779.982.132	57.643.266.381
Tổng tài sản					248.194.130.631	243.342.971.596
Nợ phải trả của bộ phận	1.428.510.489	2.765.855.105	80.517.781.556	94.050.157.350	81.946.292.045	96.816.012.455
Các khoản nợ không phân bổ					20.508.428.945	5.070.667.167
Tổng nợ phải trả					102.454.720.990	101.886.679.622
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Chi tiêu vốn	-	158.100.000	6.765.402.536	8.366.625.412	6.765.402.536	8.524.725.412
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	67.509.696	33.986.093	5.527.975.018	5.819.753.204	5.595.484.714	5.853.739.297

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	897.120.926	1.183.832.066
Tiền gửi ngân hàng	12.346.973.407	16.164.689.738
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	26.100.000.000
	58.244.094.333	43.448.521.804

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam (1/1/2017: 2.000 triệu VND).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND (*)	VND	VND (*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	3.600.000.000	3.643.295.778	8.400.000.000	8.629.822.778

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

(*) Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017			Số lượng cổ phiếu	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	21.300.000	251.460.500	15.000	272.760.500	25.200.000	247.560.500
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	33.600.000	161.400.000	10.000	195.000.000	10.200.000	184.800.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	300.000.000	200.000.000	50.000	500.000.000	290.000.000	210.000.000
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		967.760.500	354.900.000	612.860.500		967.760.500	325.400.000	642.360.500
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2017			1/1/2017				
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
▪ Công ty liên kết											
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng, Việt Nam	540.000	24,1%	5.400.000.000	-	(*)	540.000	24,1%	5.400.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác											
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines	Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam		11,3%	33.594.424.002	21.332.942.782	(*)		11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)
				<u>38.994.424.002</u>	<u>21.332.942.782</u>				<u>38.994.424.002</u>	<u>20.999.702.169</u>	<u>(*)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô		
- Cảng Hải Phòng	1.861.053.069	1.861.053.069
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.702.595.079	-
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.180.811.300	-
Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam	1.026.058.510	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	485.956.483	194.297.440
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	153.092.250	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	111.236.220	-
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6.582.658.390	4.699.380.129
Công ty Toyota Việt Nam	6.581.956.115	3.481.574.470
Các khách hàng khác	21.566.489.146	36.266.331.813
	41.251.906.562	46.502.636.921

Khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty liên quan		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	14.060.571	-
Bên thứ ba		
Phải thu tiền lãi	143.040.778	263.157.500
Phải thu người lao động	1.047.140.710	887.063.594
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	200.250.000	366.200.000
Các khoản chi hộ	574.308.162	850.955.662
Phải thu khác	761.067.547	697.572.605
	<hr/>	<hr/>
	2.739.867.768	3.064.949.361

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả theo thỏa thuận.

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.166.105.500	1.164.869.575
Phải thu từ Công ty Cổ phần Nội thất Trang trí Hiệp Hòa Phát	700.511.314	1.225.894.801
	<hr/>	<hr/>
	1.866.616.814	2.390.764.376

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	từ 1 năm đến trên 3 năm	965.489.991	919.283.990	46.206.001	từ 6 tháng đến 3 năm	965.489.991	827.099.991	138.390.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-
Khác	trên 1 năm	543.128.349	338.396.910	204.731.439	trên 1 năm	414.787.634	341.153.019	73.634.615
		<u>3.631.698.912</u>	<u>3.380.761.472</u>	<u>250.937.440</u>		<u>3.503.358.197</u>	<u>3.291.333.582</u>	<u>212.024.615</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>3.380.761.472</u>	<u>3.291.333.582</u>
--------------------------------------	----------------------	----------------------

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.514.115.636	-	-	-
Nguyên vật liệu	1.442.812.047	-	2.361.708.995	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.624.866.329	-
Hàng hóa	283.637.446	-	271.479.395	-
Hàng hóa bất động sản (*)	11.352.702	-	11.352.702	-
	3.251.917.831	-	4.269.407.421	-

(*) Đây là phần diện tích đất nền 432,22 m2 chưa bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA do vướng mắc về tranh chấp đất đai (Thuyết minh 34).

11. Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 (*)	30.886.813.597	30.886.813.597
Công ty TNHH Một thành viên San lấp Mặt bằng Long Bình	150.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 710	-	145.452.735
	31.036.813.597	31.472.266.332

(*) Khoản trả trước cho người bán dài hạn từ Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 liên quan tới hai dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình trị giá 11.301 triệu VND (1/1/2017: 11.301 triệu VND) và Phước Long A trị giá 19.585 triệu VND (1/1/2017: 19.585 triệu VND) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.430.189.093	23.891.263.328	24.387.565.094	336.674.853	3.189.457.975	117.235.150.343
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	10.954.845.325	-	2.974.225.455	-	-	13.929.070.780
Thanh lý trong năm	(54.994.725)	-	(3.377.817.193)	-	(702.105.408)	(4.134.917.326)
Số dư cuối năm	76.330.039.693	23.891.263.328	23.983.973.356	336.674.853	2.487.352.567	127.029.303.797
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	50.357.485.614	23.215.169.415	13.405.609.341	299.174.853	1.673.237.584	88.950.676.807
Khấu hao trong năm	2.280.766.390	444.145.332	2.406.409.753	18.750.000	353.892.283	5.503.963.758
Thanh lý trong năm	(36.281.260)	-	(3.377.817.193)	-	(366.883.086)	(3.780.981.539)
Số dư cuối năm	52.601.970.744	23.659.314.747	12.434.201.901	317.924.853	1.660.246.781	90.673.659.026
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	15.072.703.479	676.093.913	10.981.955.753	37.500.000	1.516.220.391	28.284.473.536
Số dư cuối năm	23.728.068.949	231.948.581	11.549.771.455	18.750.000	827.105.786	36.355.644.771

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 88.766 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 57.400 triệu VND).

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	49.573.783.826	41.308.958.414
Tăng trong năm	6.765.402.536	8.264.825.412
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.929.070.780)	-
Xóa sổ	(122.545.455)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	42.287.570.127	49.573.783.826

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (*)	31.312.572.746	31.475.517.952
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A (*)	9.877.183.139	9.827.516.623
Mua xe đầu kéo, rơ móc	757.662.726	-
Dự án ICD Phước Long	340.151.516	-
Dự án văn phòng làm việc phía Nam	-	8.148.203.796
Dự án Bãi Container Đình Vũ	-	122.545.455
	<hr/>	<hr/>
	42.287.570.127	49.573.783.826

(*) Dự án Bắc Rạch Chiếc là dự án khu đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 15/03/2001 gồm hai dự án thành phần là Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình và Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A. Hai dự án được triển khai từ năm 2001.

Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty. Đây là dự án do Công ty đứng ra quản lý, theo dõi thay mặt các cán bộ công nhân viên của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công đoàn Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh”. Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A là dự án do công ty đóng vai trò là nhà đầu tư thứ cấp.

Hai dự án hiện đang bị đình trệ do một số nguyên nhân khách quan. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng trong thời gian tới khi nhà đầu tư chính giải quyết các khó khăn và tiếp tục hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án, Công ty sẽ tiếp tục giải ngân đầu tư để hoàn thành dự án.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.476.898.301	1.105.744.639	-	518.074.794	6.100.717.734
Tăng trong năm	-	488.131.818	204.366.211	295.000.000	987.498.029
Phân bổ trong năm	(91.520.956)	(812.929.425)	(97.606.826)	(704.741.471)	(1.706.798.678)
Số dư cuối năm	4.385.377.345	780.947.032	106.759.385	108.333.323	5.381.417.085



Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
• Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.466.597	-
• Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế trong năm	-	567.160.782
	8.466.597	567.160.782
	8.466.597	567.160.782

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	6.948.264.667	8.200.923.500
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	310.074.600	-
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Vận tải SA HI Logistics	1.995.151.463	-
Touax Global Container Solutions	1.050.331.030	778.430.784
Công ty Xăng dầu Khu vực 3 - Công ty TNHH MTV	811.285.169	399.114.320
Doanh nghiệp Tư nhân Hải Giang	524.229.979	1.161.187.500
Doanh nghiệp Tư nhân Phương Sơn	-	3.050.374.000
Các công ty khác	4.791.622.105	8.668.828.614
	16.430.959.013	22.258.858.718
	16.430.959.013	22.258.858.718

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

Khoản phải trả công ty liên quan không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Thuế thu nhập cá nhân	53.533.568	15.389.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.137.756.499	1.200.745.847
	1.191.290.067	1.216.135.542

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.881.470.313	22.085.511.981	(23.731.010.597)	235.971.697
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.361.459	(1.361.459)	-
Thuế thu nhập cá nhân	88.166.778	384.150.926	(466.907.704)	5.410.000
Thuế nhà đất	-	41.373.240	(41.373.240)	-
Tiền thuê đất	4.868.170.373	5.824.301.912	(6.679.345.412)	4.013.126.873
Thuế nhà thầu	56.266.621	771.534.720	(734.652.273)	93.149.068
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	6.894.074.085	29.114.234.238	(31.660.650.685)	4.347.657.638

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí khai thác bãi	546.918.920	2.777.350.746
Chi phí phải trả hoạt động giao nhận	-	147.248.973
Chi phí phải trả hoạt động vận tải	2.430.999	469.987.393
Chi phí phải trả hoạt động cấp dầu	-	57.475.255
Các khoản trích trước khác	177.969.418	299.057.740
	727.319.337	3.751.120.107

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Công ty mẹ		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	3.254.000.000
Bên thứ ba		
Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-
Kinh phí công đoàn	213.705.470	257.266.032
Thù lao hội đồng quản trị phải trả	18.000.000	230.000.000
Phải nộp nhà nước về lợi nhuận khai thác theo Quyết định của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh	6.659.153.449	8.791.528.662
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty An Phát	360.604.310	670.710.534
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	-	417.372.317
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	595.000.000	-
Các khoản thu hộ	126.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	108.790.772	69.344.915
	<hr/>	
	28.081.754.001	13.690.222.460
	<hr/>	

Khoản phải trả công ty mẹ không phải đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	157.000.000	697.000.000
Khoản góp vốn của cán bộ công nhân viên thực hiện Dự án Bắc Rạch Chiềc (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi Dự án Bắc Rạch Chiềc (**)	8.206.861.589	7.769.209.226
	52.341.636.589	52.443.984.226

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến phần vốn góp của cán bộ nhân viên của Công ty ủy thác cho Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty và Công đoàn Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiềc, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình. Hiện tại, Dự án này đang bị đình trệ (Thuyết minh 13).

(**) Đây là khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng của cán bộ nhân viên Công ty đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (Thuyết minh 5) với lãi suất từ 5,2% đến 5,3% một năm (2016: 4,8% đến 5,2% một năm).

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	32.723.762.405	155.039.188.623
<i>Số dư tại ngày 1/1/2016 - như trình bày trước đây</i>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	43.433.746.602	165.749.172.820
<i>Điều chỉnh lại</i>	-	-	-	-	(10.709.984.197)	(10.709.984.197)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.239.092.692)	(1.239.092.692)
<i>Lợi nhuận thuần trong năm - như báo cáo trước đây</i>	-	-	-	-	539.161.976	539.161.976
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 35)</i>	-	-	-	-	(1.778.254.668)	(1.778.254.668)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.543.806.357)	(1.543.806.357)
Cổ tức	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Số dư tại ngày 1/1/2017 - Đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	14.625.328.323	141.456.291.974

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017 - Đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	14.625.328.323	141.456.291.974
<i>Số dư tại ngày 1/1/2017 - như trình bày trước đây</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>(20.000)</i>	<i>16.830.983.651</i>	<i>27.113.567.188</i>	<i>153.944.530.839</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh số 35)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(12.488.238.865)</i>	<i>(12.488.238.865)</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.353.208.723	4.353.208.723
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(28.982.482)	(28.982.482)
Khác	-	-	-	-	(41.108.574)	(41.108.574)
Số dư tại ngày 31/12/2017	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	18.908.445.990	145.739.409.641

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.679.520.011	8.028.943.511
Trong vòng hai đến năm năm	27.399.094.419	27.399.094.419
Sau năm năm	60.529.205.294	60.542.577.415
	96.607.819.724	95.970.615.345

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	131.469,47	2.983.471.511	411.502	9.347.262.706

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán tổng hợp:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được phê duyệt và ký hợp đồng	6.000.000.000	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	7.047.981.866	24.053.274.588
	<u>13.047.981.866</u>	<u>24.053.274.588</u>

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	56.281.843.999	49.455.146.722
▪ Cung cấp dịch vụ	155.011.371.552	178.837.663.129
Doanh thu thuần	<u>211.293.215.551</u>	<u>228.292.809.851</u>

31 / 01 / 2018
 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	53.314.505.923	47.082.638.511
▪ Dịch vụ đã cung ứng	144.129.998.403	155.689.791.147
	197.444.504.326	202.772.429.658

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	93.810.792
Lãi tiền gửi	1.265.995.132	1.395.806.264
Cổ tức được chia	1.998.000.000	1.062.425.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.023.540	133.683.129
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	185.312.569
Doanh thu tài chính khác	32.250.000	34.590.080
	3.370.268.672	2.905.627.834

27. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
(Hoàn nhập)/trích dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(29.500.000)	176.216.200
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	333.240.613	19.145.585.689
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	11.113.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.541.931	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.519.099	91.167.644
Chi phí tài chính khác	9.845	33.239.155
	390.811.488	19.457.321.824

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên quản lý	6.273.956.740	5.812.850.389
Chi phí dự phòng	89.427.890	352.778.325
Chi phí khấu hao	434.202.452	265.691.424
Chi phí bằng tiền khác	747.299.824	215.441.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.388.321.697	1.051.718.894
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.326.736.953	3.421.627.599
	<hr/> 12.259.945.556	<hr/> 11.120.108.381 <hr/>

29. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.248.973.304	858.063.815
Thanh lý công cụ dụng cụ	516.000.000	-
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	9.066.933	280.436.320
Thưởng do thực hiện tốt hợp đồng mua dầu	4.043.700	304.651.618
Các khoản khác	120.961.839	5.275.805
	<hr/> 1.899.045.776	<hr/> 1.448.427.558 <hr/>

30. Chi phí sản xuất thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	53.314.505.923	47.082.638.511
Chi phí nhân công	28.017.087.792	32.079.224.790
Chi phí khấu hao	5.595.484.714	5.853.739.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.729.142.574	89.177.654.495
Chi phí khác	36.423.362.550	41.324.147.275
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	62.989.347	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
	<hr/> 62.989.347	<hr/> 924.000
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(8.466.597)	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	567.160.782	(567.160.782)
	<hr/> 558.694.185	<hr/> (567.160.782)
	<hr/> <hr/> 621.683.532	<hr/> <hr/> (566.236.782)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.974.892.255	(1.805.329.474)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	994.978.451	(361.065.895)
Chi phí không được khấu trừ thuế	26.305.081	6.390.113
Thu nhập không bị tính thuế	(399.600.000)	(212.485.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
	<hr/> 621.683.532	<hr/> (566.236.782)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.



Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là, chi tiết như sau:

	2017	2016 (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm (VND)	4.353.208.723	(1.239.092.692)
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(16.174.859)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	4.353.208.723	(1.255.267.551)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	8.999.998	8.999.998
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	484	(139)

(*) Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017. Do đó, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trình bày ở trên chưa tính tới việc phân bổ quỹ này. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	5.508.000.000
Cổ tức đã trả	-	2.254.000.000
Cung cấp dịch vụ	9.676.220.785	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu		
Cổ tức được nhận	1.998.000.000	1.059.525.000
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	96.670.909	313.131.363
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.107.583.640	1.092.890.282
Bán hàng hóa	2.617.991.651	4.582.529.963
Mua dịch vụ	17.657.693.182	29.960.053.182
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao		
Bán hàng hóa	2.522.120.636	833.534.546
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
Bán hàng hóa	613.574.427	575.820.227
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.293.851.215	3.371.371.613

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Nợ tiềm tàng

Theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã bàn giao 18.137 m² đất tại Phường Phước Long A và Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) và đổi lại Công ty nhận lại 2.943,27 m² đất nền có cơ sở hạ tầng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Trong năm 2007 và 2008, Công ty ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12 tháng 11 năm 2007, hợp đồng số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14 tháng 11 năm 2007 và hợp đồng số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30 tháng 1 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) về việc bồi thường đất với tổng giá trị là 32.280.510.000 VND tương ứng với 2.511,05 m² đất nền có cơ sở hạ tầng, còn lại 432,22 m² đất nền có cơ sở hạ tầng Công ty chưa ký hợp đồng với SACA. Công ty đã ghi nhận doanh thu bất động sản từ các hợp đồng này theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Tuy nhiên, trong diện tích đất 18.137 m² mà Công ty đã bàn giao cho SACA có một phần đất đang bị tranh chấp với Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Kinh doanh nhà Vĩnh Lộc (“Công ty Vĩnh Lộc”).

Ngày 28 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty Vĩnh Lộc. Theo nội dung Quyết định trên, Bộ Tài nguyên Môi trường đã xác định rõ việc Công ty Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng cho diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết và việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m² đất (thuộc khu I) cho Công ty và giao Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công ty Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận.

Ngày 9 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được thư mời số 3/GM-TTtr của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 3434/QĐ-TTTP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ về khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc với Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải về quyền sử dụng đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 2 năm 2017, Công ty nhận được Văn bản số 896/VPCP-V.I của Văn phòng Chính phủ ký ngày 6 tháng 2 năm 2017 về việc khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc. Văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình, theo đó đồng ý với kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại văn bản số 2966/TTCP-C.III ngày 10 tháng 11 năm 2016, văn bản số 1096/BC-TTTP ngày 18 tháng 5 năm 2016 và ý kiến của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 6922/UBND-NCPC ngày 2 tháng 12 năm 2016 và yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh Quyết định 1904/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc. Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Công ty đã gửi Thủ tướng Chính phủ văn bản số 32/2017/PTHH/BCGT báo cáo và giải trình thêm với Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết tranh chấp đất giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc.

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 7 tháng 2 năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 432/QĐ-BTNMT công nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất đang tranh chấp thuộc về Công ty Vĩnh Lộc. Với kết luận này của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ phải trả đối với SACA liên quan đến phần đất bị tranh chấp này. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Công ty đang thảo luận với SACA về phương hướng giải quyết để hoàn thành hợp đồng với SACA và giá trị của nghĩa vụ nợ phải trả đó chưa được xác định một cách đáng tin cậy.

35. Số liệu so sánh

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trong báo cáo tài chính liên quan đến các vấn đề sau:

- Theo Quyết định số 206/QĐ-TTTP ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Thanh tra Thành phố Hải Phòng công bố kết quả kiểm tra của Công ty cho giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty phải nộp bổ sung một khoản thuế giá trị gia tăng cho giai đoạn 2012-2013 với tổng số tiền là 1.275.202.000 VND. Số tiền này được điều chỉnh vào số dư của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016;
- Theo Quyết định số 191/QĐ-TTTP ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Hồ Chí Minh ty phải hoàn trả toàn bộ phần lợi nhuận thu được từ việc khai thác phần đất thuộc Dự án khu dân cư Bắc Rạch Chiếc cho giai đoạn 2007-2017 với tổng số tiền 9.323.195.385 VND. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm số dư của Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 với số tiền 6.995.019.483 VND, giảm doanh thu và chi phí tương ứng của năm 2016 của chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền 6.461.127.249 VND và 4.664.618.071 VND;
- Theo Quyết định số 9352/TB-TTĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty phải nộp bổ sung tiền thuê đất tại Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn 2004-2017 với tổng số tiền 3.993.126.873 VND. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm số dư của Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 với số tiền 3.140.508.561 VND và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 với số tiền 426.309.156 VND, phần còn lại được điều chỉnh vào chi phí quản lý của năm 2017.

Bảng so sánh số liệu đã báo cáo trước đây và sau khi điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra và cơ quan thuế VND	1/1/2017 (đã điều chỉnh lại) VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	515.389.695	700.745.847	1.216.135.542
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	122.597.115	444.563.667	567.160.782
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.052.054.368	4.842.019.717	6.894.074.085
Phải trả ngắn hạn khác	4.898.693.798	8.791.528.662	13.690.222.460
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.113.567.188	(12.488.238.865)	14.625.328.323
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	26.574.405.212	(10.709.984.197)	15.864.421.015
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	539.161.976	(1.778.254.668)	(1.239.092.692)

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra và cơ quan thuế VND	2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	234.753.937.100	(6.461.127.249)	228.292.809.851
Giá vốn hàng bán	206.391.551.338	(3.619.121.680)	202.772.429.658
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.739.295.615	(619.187.234)	11.120.108.381
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(122.597.115)	(444.563.667)	(567.160.782)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	539.161.976	(1.778.254.668)	(1.239.092.692)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	58	(197)	(139)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra và cơ quan thuế VND	2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	417.488.861	(2.222.818.335)	(1.805.329.474)
Biến động các khoản phải trả	1.589.401.144	2.222.818.335	3.812.219.479

Ngoài các vấn đề nêu trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc